

Số: 84/2025/QĐST-HNGĐ

Thanh hóa, ngày 11 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:
Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Bùi Văn N, sinh năm 1975
- Chị Lê Thị H, sinh năm 1980

Cùng trú tại: Phố T, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn N và chị Lê Thị H kết hôn với nhau vào năm 1997, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ (nay là phường Đ), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến hạnh phúc đến giữa năm 2024 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình tình không hợp, quan điểm cách sống khác nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Tuy anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng đã sống ly thân nhau về mặt tình cảm từ năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thỏa thuận của anh chị là có căn cứ nên công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

[2] Về con: Anh chị có 03 con chung cháu Bùi Văn N1, sinh năm 1999, cháu Bùi Thị Hương L, sinh năm 2001 và cháu Bùi Văn Duy A, sinh ngày 23/9/2015. Hiện cháu N1 và cháu L đã thành niên, ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Duy A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu Duy A đủ 18 tuổi.

Xét việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị là hoàn

toàn tự nguyện và phù hợp với quy định nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[3] Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh chị thỏa thuận chị H chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn anh Bùi Văn N2 và chị Lê Thị H.

- Về con: Anh chị có 03 con chung cháu Bùi Văn N1, sinh năm 1999 (đã thành niên); cháu Bùi Thị Hương L, sinh năm 2001 (đã thành niên) và cháu Bùi Văn Duy A, sinh ngày 23/9/2015. Giao cháu Duy A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu Duy A đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu giải quyết

2. Về lệ phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số BLTU/25E số 0003369 ngày 24/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 -Thanh Hóa (chị H đã nộp đủ lệ phí)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS Khu vực 1-TH;
- UBND P. Đ;
- THADS tỉnh TH;
- TAND tỉnh TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ .

THẨM PHÁN

Trần Thị Thủy